

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH QU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HSST
Ngày: 23 - 01 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH QU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan và bà Phan Thị Tuyết

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện B

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà:** Bà Dương Thị Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Qu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2025/TLST – HS ngày 08/01/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HS ngày 13/01/2025, đối với bị cáo:

Phan Văn T, sinh ngày 19 tháng 01 năm 1999; tại B, Qu; nơi cư trú: thôn 6, xã Đ, huyện B, tỉnh Qu; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn phổ thông: lớp 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Mạnh C và bà Trần Thị T; chưa có vợ, con; tiền án: có 02 tiền án, ngày 27/10/2021 bị Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Qu xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2021/HSST; ngày 26/9/2023 bị Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Qu xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 94/2023/HSST, đã chấp hành xong hình phạt ngày 28/02/2024; Tiền sự: 01 tiền sự, tháng 01/2021 có hành vi trộm cắp tài sản bị Công an xã Đ, huyện B xử phạt hành chính 1.500.000 đồng nhưng chưa thi hành. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/11/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- **Bị hại:** Ông Trần Hữu B, sinh năm 1958; nơi cư trú: thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Qu - có mặt.

- **Người làm chứng:** Ông Trần Văn L, sinh năm 1975; nơi cư trú: thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Qu - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 40 phút ngày 14/11/2024, Phan Văn T đã có 02 tiền án và 01 tiền sự về hành vi Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích, đi bộ đến trang trại của ông Trần Hữu B ở thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh Qu để chơi. Khi đến nơi, T thấy cổng trang trại mở nên vào theo lối cổng chính, mở cửa chòi thì thấy ông B đang nằm ngủ trên giường nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T dùng tay lục tìm tài sản trong chiếc quần dài, màu nâu xám được treo trên tường cạnh cửa chòi được 1.000.000 đồng, gồm: một tờ 500.000 đồng, hai tờ 200.000 đồng và hai tờ 50.000 đồng. T lấy số tiền trên cất vào trong người rồi bỏ ra ngoài. Tại cơ quan điều tra T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã thu giữ và trả lại cho ông Trần Hữu B số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng), gồm: một tờ 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), hai tờ 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và hai tờ 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKSBT ngày 06 tháng 01 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Phan Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm a và b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Văn T từ 12- 15 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: không xem xét.

Đề nghị tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Phan Văn T nhất trí như quan điểm luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, các điều khoản áp dụng và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, xin hứa sẽ không tái phạm nữa. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đến mức có thể.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng, xét thấy trong quá trình điều tra giải quyết vụ án, đã thu thập được lời khai của người này, nên sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn T hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về tội danh: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Phan Văn T đều thống nhất khai nhận: vào ngày 14/11/2024 bị cáo lợi dụng lúc ông Trần Hữu B đang ngủ nên đã lén lút vào trang trại của ông B ở thôn 2, xã Đ lấy trộm số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và vật chứng đã thu giữ, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tuy dưới mức 2 triệu đồng nhưng bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản và bị kết án về tội trộm cắp tài sản nhưng chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của T đã phạm vào “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo thấy:

Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ khả năng nhận thức cũng như điều khiển hành vi để biết được việc lấy trộm tài sản của người khác là trái pháp luật. Tuy nhiên, do lười lao động thích hưởng thụ từ công sức thành quả của người khác cùng với ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, xâm phạm đến an ninh trật tự, ảnh hưởng cuộc sống bình yên của nhân dân trên địa bàn. Bị cáo có 01 tiền sự và 02 tiền án, mới chấp hành xong hình phạt tù 28/02/2024 đáng lẽ bị cáo phải lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân để tích cực rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, trở thành người có ích cho gia đình và xã hội nhưng bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội một cách liều lĩnh. Qua đó cho thấy bị cáo là một đối tượng nguy hiểm, sẵn sàng phạm tội khi có điều kiện.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhằm có đủ điều kiện để cải tạo và giáo dục bị cáo trở lại làm công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm, thu nhập không ổn định nên miễn chấp hành hình phạt bổ sung như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại Trần Hữu B đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Cho đến tại phiên tòa hôm nay, không có ý kiến, yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét về phần dân sự.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ và trả lại tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt cho chủ sở hữu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo Phan Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a và b khoản 1 Điều 173; Điều 38; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Phan Văn T** 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 15/11/2024.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Phan Văn T với thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

3. Về trách nhiệm dân sự: không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: không xem xét.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Phan Văn T phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/01/2025).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Qu;
- CA huyện B;
- VKSND huyện B;
- Sở Tư pháp tỉnh Qu;
- UBND xã Đ;
- THADS huyện B;
- Bị cáo, người TGT;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Tuyết Nguyễn Thị Loan

Nguyễn Thị Hồng Thắm